TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST. Ngày: 27 – 4 – 2018. V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Vui.

2. Ông Nguyễn Hiếu Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 569/2017TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc "*Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh P1, sinh năm 1980 (*có mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá P2, sinh năm 1983 (*vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: ấp M, xã N, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh P1 trình bày:

Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị P1 và anh Nguyễn Bá P2 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 27/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P2 bỏ mặc không quan tâm chăm sóc vợ con làm cho vợ chồng thường xuyên cự cải dẫn đến mất hạnh phúc. Mặc dù, chị P1 đã nhiều lần khuyên nhủ anh P2 và cố gắn vun đắp tình cảm nhưng không đạt kết quả. Do đó, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2016 cho đến nay mà không

trở về đoàn tụ. Nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P1 yêu cầu được ly hôn với anh P2. Về con chung, chị P1 và anh P2 có với nhau hai người con chung tên Nguyễn Huỳnh A sinh ngày 28/01/2007 và Nguyễn Trần Nhựt H sinh ngày 30/01/2012 hiện chị P1 đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị P1 yêu cầu được nuôi hai con chung phù hợp với nguyện vọng của cháu Huỳnh A, chị P1 yêu cầu anh P2 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi cháu số tiền là 650.000 đồng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung, chị P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Bá P2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P1 cũng như giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh P2 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Trần Thị Thanh P1 kết luận quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Xét tại phiên toà sơ thẩm, anh Nguyễn Bá P2 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P2 theo thủ tục chung.

[3]. *Về hôn nhân*: Xét chị P1 và anh P2 là vợ chồng hợp pháp có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét trong thời gian chung sống, xuất phát từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đồng thời, anh P2 bỏ mặc không quan tâm chăm sóc vợ con làm cho vợ chồng thường xuyên cự cải dẫn đến mất hạnh phúc. Mặc dù, mâu thuẫn đã được chị P1 cố gắn điều hòa nhưng không đạt được kết quả. Chị P1 và anh P2 có thời gian sống ly thân từ tháng 01/2006 cho đến nay mà không trở về đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P1 cũng như giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Nên không có căn cứ để Tòa án xem xét giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho anh theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ vào lời trình bày của chị P1 và thời gian sống ly thân thực tế có cơ sở kết luận đời sống chung giữa chị P1 và anh P2 không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị P1 và anh P2.

[4]. *Về con chung và cấp dưỡng*: Xét kể từ tháng 01/2016 cho đến nay cháu Huỳnh A và cháu Nhật H do chị P1 nuôi dưỡng, chăm lo việc học tập cho các cháu. Nguyện vọng của cháu Huỳnh A sau khi cha mẹ ly hôn là được chung sống với chị P1. Để ổn định cuộc sống của các cháu và nguyện vọng của cháu Huỳnh A. Tòa án căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết giao cháu Huỳnh A và cháu Nhật H cho chị P1 trực tiếp nuôi dưỡng. Xét anh P2 là người không trực tiếp nuôi con, phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét mức cấp dưỡng và thời gian yêu cầu cấp dưỡng chị P1 yêu cầu là phù hợp. Tòa án căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình buộc anh P2 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Huỳnh A và cháu Nhật H hàng tháng mỗi cháu số tiền là 650.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 27/4/2018 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Số tiền cấp dưỡng trên được giao cho chị P1 nhận. Anh P2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị P1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Xét trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án sơ thẩm giải quyết ly hôn và người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án phải chịu án phí sơ thẩm loại không có giá ngạch. Tòa án căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án. Buộc chị P1 nộp 300.000 đồng án phí giải quyết ly hôn nhưng được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Buộc anh P2 nộp 300.000 đồng án phí giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh P1 và anh Nguyễn Bá P2.

2. Về con chung và cấp dưỡng:

2.1. Giao cháu Nguyễn Huỳnh A sinh ngày 28/01/2007 và cháu Nguyễn Trần Nhựt H sinh ngày 30/01/2012 cho chị Trần Thị Thanh P1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Buộc anh Nguyễn Bá P2 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Huỳnh A sinh và cháu Nguyễn Trần Nhựt H hàng tháng mỗi cháu số tiền là 650.000 (Sáu trăm năm mươi nghìn) đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018 cho đến khi mỗi cháu tròn 18 (mười tám) tuổi. Số tiền này được giao cho chị Trần Thị Thanh P1 nhận.

2.3. Anh Nguyễn Bá P2 có quyền, nghĩa vụ thăm mon con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc chị Trần Thị Thanh P1 phải nộp án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Nhưng được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0010528 ngày 11 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

4.2. Buộc anh Nguyễn Bá P2 phải nộp án phí giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Trần Thị Thanh P1 là nguyên đơn, vắng mặt anh Nguyễn Bá P2 là bị đơn. Báo cho chị P1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh P2 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã N: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(*Đã ký*)

Cao Minh Tân